

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2025
V/v "Tranh chấp dân sự về hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương
Ông Đặng Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyên Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp về tiền biên” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 508/2025/QĐST-DS ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị G**, sinh năm 1989; Địa chỉ: B Tòa S Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền của bà G: ông **Phan Nguyễn Đức P**, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/3/2024); Có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G: **Luật sư Trần Hải Á** – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992; HKTT: Khu phố F, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: A L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Nguyễn Đức P trình bày:**

Do có quan hệ quen biết được giới thiệu, nên bà Đặng Thị G tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị T tổ chức cầm hội bắt đầu từ ngày 19/7/2023 đến ngày 15/10/2023 cụ thể:

Những dây hội sống bà G đang tham gia mà chủ hội Nguyễn Thị T cho dừng hoạt động từ ngày 15/10/2023 gồm:

- Dây hội thứ nhất KT 124: Dây hội 10 ngày. Áp dụng từ ngày: 19/7/2023 đến ngày 05/01/2024. Số thành viên tham gia dây hội: 18 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 5.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 8 là: 80.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai KT 233: Dây hội 07 ngày. Áp dụng từ ngày: 05/9/2023 đến ngày 09/11/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 13 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 3.000.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 7: 70.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba KT 242: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 12/9/2023 đến ngày 12/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 16 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 1.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 13: 130.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư KT 247: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 17/9/2023 đến ngày 13/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 14 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 2.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 15.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 10: 150.000.000 đồng.

- Dây hội thứ năm KT 249: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 18/9/2023 đến ngày 18/10/2023 Số thành viên tham gia dây hội: 16 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 1.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 10: 100.000.000 đồng.

- Dây hội thứ sáu KT 251: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 22/9/2023 đến ngày 26/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 18 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 2.400.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 16.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 8: 128.000.000 đồng.

- Dây hội thứ bảy KT 55: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 24/9/2023 đến ngày 18/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 13 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 2.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 15.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 7: 105.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tám KT 8: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 24/9/2023 đến ngày 24/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 16 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 1.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi

chân hội phải đóng: 5.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 7: 35.000.000 đồng.

- Dây hội thứ chín KT 302: Dây hội 03 ngày. Áp dụng từ ngày: 30/9/2023 đến ngày 08/11/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 14 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 3.000.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 15.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 4: 60.000.000 đồng.

- Dây hội thứ mười KT 303: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 14 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 1.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 4: 40.000.000 đồng.

Những dây hội chết tôi đã hót nhưng chủ hội bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán:

- Dây hội thứ mười một KT 245: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 12/9/2023 đến ngày 10/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 15 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 3.500.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 20.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 13: 260.000.000 đồng. Số tiền hót sau khi khấu trừ nghĩa vụ: 236.500.000 đồng. Số tiền được hưởng sau khi khấu trừ nghĩa vụ của các dây hội ngày 06/10/2023: 146.558.000 đồng.

Những dây hội chết tôi có nghĩa vụ phải thanh toán:

- Dây hội KT 239: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 10/9/2023 đến ngày 08/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 15 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 3.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 18.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 14: 18.000.000 đồng.

- Dây hội KT 200: Dây hội 05 ngày. Áp dụng từ ngày: 02/8/2023 đến ngày 11/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 15 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 2.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 14: 10.000.000 đồng.

Từ ngày 15/10/2023 bà Nguyễn Thị T với vai trò chủ hội- Trưởng nhóm zalo ở mỗi nhóm hội đã không trao đổi, trả lời thắc mắc về lộ trình trả tiền và thanh toán hội cho tôi số tiền 1.016.558.000 đồng và tuyên bố là đình hội do vỡ nợ. Bên cạnh đó ngày 11/10/2023, bà Nguyễn Thị T có chuyển cho tôi số tiền 10.000.000 đồng và nói đây là số tiền trả trước để trừ nợ.

Tổng cộng số tiền bà G đã chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị T để đóng hội là 80.000.000đ + 70.000.000đ + 130.000.000đ + 150.000.000đ + 100.000.000đ + 128.000.000đ + 105.000.000đ + 35.000.000đ + 60.000.000đ + 40.000.000đ +

$146.558.000đ - 18.000.000đ - 10.000.000đ - 10.000.000đ = 1.006.558.000đ$ (Một tỷ không trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Từ khi bà T tuyên bố vỡ hụi và không thực hiện trách nhiệm của chủ hụi là trả lại số tiền đã nhận từ bà Đặng Thị G. Bà Đặng Thị G đã liên hệ nhiều yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền 1.006.558.000đ nhưng không nhận được sự hồi đáp thiện chí, nên bà G khởi kiện đề nghị Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Đặng Thị G số tiền nợ gốc do tuyên bố vỡ hụi số tiền 1.006.558.000 đồng và tiền lãi 10%/12 tháng từ ngày 15/10/2023 đến ngày 15/12/2023 là 16.776.000 đồng, tổng cộng 1.023.334.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Nguyễn Đức P thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Đặng Thị G số tiền 1.052.833.744 đồng. Trong đó tiền vốn là 900.571.000 đồng, tiền lãi trong thời gian tham gia hụi là 1.262.894 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/6/2025 là 900.571.000 đồng $\times 10\%/365$ ngày $\times 612$ ngày = 150.999.850 đồng. Tổng cộng là 1.052.833.744 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị T để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G, buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho bà G tổng số tiền 1.052.833.744 đồng, trong đó tiền vốn là 900.571.000 đồng, tiền lãi trong thời gian tham gia hụi là 1.262.894 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/6/2025 là 900.571.000 đồng $\times 10\%/365$ ngày $\times 612$ ngày = 150.999.850 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về tiền biên*”, tuy nhiên qua xem xét yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp dân sự về hội*” là phù hợp.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại A L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp dân sự về hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.052.833.744 đồng, trong đó tiền vốn là 900.571.000 đồng, tiền lãi trong thời gian tham gia hội là 1.262.894 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/6/2025 là $900.571.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 612 \text{ ngày} = 150.999.850 \text{ đồng}$. Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 900.571.000 đồng và tiền lãi trong thời gian tham gia hội thì thấy:

Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 15/10/2023 bà Nguyễn Thị T tổ chức 11 dây hội, số tiền bà G chuyển khoản cho bà T, sau khi trừ đi tiền lãi bà G được hưởng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/ năm thì số tiền cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất KT 124: Dây hội 10 ngày. Áp dụng từ ngày: 19/7/2023 đến 05/01/2024. Số thành viên tham gia dây hội: 18 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 5.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 8 là: 56.485.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 19/7/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là: 309.507 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 56.794.507 đồng.

- Dây hội thứ hai KT 233: Dây hội 07 ngày. Áp dụng từ ngày: 05/9/2023 đến 09/11/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 13 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 3.000.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 7: 59.970.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 05/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là: 164.301 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 60.134.301 đồng.

- Dây hội thứ ba KT 242: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 12/9/2023 đến 12/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 16 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 1.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 13:

118.383.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 12/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là 129.735 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 118.512.735 đồng.

- Dây hội thứ tư KT 247: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 17/9/2023 đến 13/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 14 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 2.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 15.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 10: 138.200.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 17/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là 151.452 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 138.351.452 đồng.

- Dây hội thứ năm KT 249: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 18/9/2023 đến 18/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 16 hội viên. Số tiền trách nhiệm Chủ hội được hưởng/chân hội: 1.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 10: 92.573.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 18/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là 104.450 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 92.674.450 đồng.

- Dây hội thứ sáu KT 251: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 22/9/2023 đến 26/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 18 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 2.400.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 16.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 08: 113.120.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 22/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là: 123.967 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 113.243.967 đồng.

- Dây hội thứ bảy KT 55: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 24/9/2023 đến 18/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 13 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 2.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 15.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 07: 94.057.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 24/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật 20%/365 ngày là: 103.364 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 94.160.364 đồng.

- Dây hội thứ tám KT 8: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 24/9/2023 đến 24/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 16 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 1.200.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 5.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 07: 30.785.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 24/9/2023 (ngày

chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật $20\%/365$ ngày là: 33.737 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 30.818.737 đồng.

- Dây hội thứ chín KT 302: Dây hội 03 ngày. Áp dụng từ ngày: 30/9/2023 đến 08/11/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 14 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 3.000.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 15.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 04: 53.330.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 30/9/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật $20\%/365$ ngày là: 87.666 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 53.417.666 đồng.

- Dây hội thứ mười KT 303: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 01/10/2023 đến 31/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 14 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 1.800.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 10.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 04: 35.110.000 đồng. Số tiền lãi chơi hội được hưởng tính từ ngày 01/10/2023 (ngày chơi đầu tiên) đến ngày 11/10/2023 (ngày dây hội hoạt động cuối cùng) theo quy định của pháp luật $20\%/365$ ngày là: 57.715 đồng. Tổng số tiền được hưởng của dây hội này là: 35.167.715 đồng.

Ngoài ra có 01 dây hội bà Đặng Thị G đã hốt nhưng bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán là D hội thứ mười một KT 245: Dây hội 02 ngày. Áp dụng từ ngày: 12/9/2023 đến 10/10/2023. Số thành viên tham gia dây hội: 15 hội viên. Số tiền trách nhiệm chủ hội được hưởng/chân hội: 3.500.000 đồng. Số tiền mỗi thành viên tham gia mỗi chân hội phải đóng: 20.000.000 đồng. Số tiền đã đóng đến chân hội thứ 13: 221.085.000 đồng. Số tiền hốt sau khi khấu trừ nghĩa vụ: 236.500.000 đồng. Số tiền được hưởng sau khi khấu trừ nghĩa vụ của các dây hội từ 06/10/2023: 186.558.000 đồng. Đồng thời có 03 dây hội chết bà Đặng Thị G phải có nghĩa vụ thanh toán gồm Dây hội KT 239 là 18.000.000 đồng, dây hội KT 200 là 10.000.000 đồng, dây hội KT 245 là 40.000.000 đồng và ngày 11/10/2023 bà T có chuyển cho bà G số tiền 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 11 dây hội bà G tham gia, bà Nguyễn Thị T trong vai trò chủ hội/nhà cái đã nhận của bà G tổng cộng là 901.833.894 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hội theo thỏa thuận giữa chủ hội và hội viên, do đó cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền hội đã đóng ở 11 dây hội là 901.833.894 đồng là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/6/2025 là 612 ngày với mức lãi suất là $10\%/365$ ngày đối với số tiền gốc đã nộp 900.571.000 đồng là 150.999.850 đồng thì thấy:

Theo Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định:

“Điều 22. Lãi suất trong trường hợp chậm góp, chậm giao phần họ

1. Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ, thành viên chưa lĩnh hộ không góp phần hộ hoặc góp phần hộ không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm góp hoặc chậm giao phần họ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả”.

Do đó, bà G yêu cầu bà T phải trả lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/6/2025 của số tiền gốc chậm trả 900.571.000 đồng là 150.999.850 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên cần được chấp nhận.

Như vậy tổng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 901.833.894 đồng + 150.999.850 đồng = 1.052.833.744 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu với số tiền 1.052.833.744 đồng là 43.585.012 đồng.

- Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 22, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị G về “Tranh chấp dân sự về hụi” đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị G số tiền 1.052.833.744 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó tiền vốn là 900.571.000 đồng, tiền lãi trong thời gian tham gia hui là 1.262.894 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/6/2025 là $900.571.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 612 \text{ ngày} = 150.999.850 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự bà Nguyễn Thị T phải chịu là 43.585.012 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn không trăm mười hai đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị G số tiền tạm ứng án phí 21.350.010 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm năm mươi ngàn không trăm mười đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000257 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà